

Bản án số: 49 /2026/ HS-ST
Ngày: 26 - 03 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phong

Bà Lê Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1994, tại tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số: 0370940005xx; nơi cư trú: thôn H, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ; vợ, con: chưa có; tiền sự; tiền án: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/8/2025 đến ngày 20/8/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh N cho đến nay; bị cáo có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Văn T: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; trú tại: thôn H - Đ, xã Y, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Đặng Văn T: ông Phạm Đức H - Luật sư, của văn phòng L, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Xuân T2, anh Đỗ Hồng V, sinh năm 1984; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T là người sử dụng ma túy, sáng ngày 11/8/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T đi bộ từ nơi ở của mình đến khu vực đường Đ thuộc thôn Y, xã Y, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy. Tại đây, T gặp và mua 01 túi nilon màu trắng có

viên màu xanh bên trong có chất tinh thể màu trắng, 02 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh với giá 500.000 đồng của một người đàn ông không quen biết. Sau đó, T cầm túi ma túy bỏ vào túi quần sau bên trái rồi đi bộ ra đường Quốc lộ 10 đến nhà nghỉ S thuộc thôn Y, xã Y, tỉnh Ninh Bình thuê phòng số 6 với mục đích sử dụng ma túy. Khoảng 08 giờ cùng ngày khi T vừa vào phòng nghỉ thì bị Tổ công tác Công an xã Y kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại túi quần của T 01 túi nilon nêu trên.

Kiểm tra túi nilon màu trắng có viên màu xanh KT (3 x 2,5)cm thu giữ của Đặng Văn T bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 03 viên nén hình tròn trong đó: có 02 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh; cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng là 0,2696 gam ký hiệu T1, 02 viên nén hình tròn màu hồng có khối lượng 0,1976 gam ký hiệu T2, 01 viên nén màu xanh có khối lượng 0,0785 gam ký hiệu T3 gửi trung cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 471/KL-KTHS ngày 18/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Mẫu gửi giám định T1 có khối lượng 0,2696 gam, ký hiệu T2 có khối lượng 0,1976 gam, ký hiệu T3 có khối lượng 0,0785 gam. Mẫu gửi giám định T1, T2, T3 đều là ma túy loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác minh T có thời gian điều trị ngoại trú về "Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và chất tác động tâm thần khác". Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trung cầu giám định pháp y tâm thần đối với Đặng Văn T.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 2202/KL-KTHS ngày 04/12/2025 của Trung tâm P xác định “*Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn tâm thần và hành vi khác mức độ vừa do sử dụng chất tác động tâm thần khác (F19.8- ICD-10); kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm hiện tại: Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn tâm thần và hành vi khác mức độ vừa do sử dụng chất tác động tâm thần khác (F19.8- ICD-10); kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi*”.

Xử lý vật chứng, tài liệu đồ vật đã thu giữ:

Các vật chứng bao gồm: 01 phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu B; 01 phong bì "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" ghi số 471/KL-KTHS ngày 08/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh N được chuyển từ kho vật chứng của Công an tỉnh N đến kho vật chứng của Phòng thi hành án dân sự số 4, tỉnh Ninh Bình để giải quyết cùng vụ án.

Quá trình điều tra, Đặng Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 47/CT-VKSKV4 ngày 21/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025: xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 03 năm 06 tháng tù đến 4 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, ngày 11 tháng 8 năm 2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì “Mẫu vật hoàn trả sau giám định”. Đặc điểm có ghi số: 471/KL-KTHS cùng thông tin về vụ việc và vật chứng. Trên giáp lai của Phong bì có chữ ký của đại diện bên giao Nguyễn Thị H1 và bên nhận Phạm Long A và 03 mẫu dấu hình tròn của Phòng K Công an tỉnh N; 01 phong bì màu trắng. Đặc điểm được ký hiệu B, phần mép được dán kín, có chữ ký của Phạm Long A, Nguyễn Xuân T2, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc D, Đoàn Trung D1 và 03 (ba) dấu tròn màu đỏ của Công an xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Nói lời sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người bào chữa tại phiên tòa vì lý do sức khỏe không tham dự phiên tòa được: Việc người bào chữa vắng mặt, bị cáo Đặng Văn T và người đại diện bà Nguyễn Thị Đ đều nhất trí và đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa, xét thấy việc đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt người bào chữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản phạm tội quả tang; lời khai của người tham gia tố tụng; kết luận giám định chất ma túy thu giữ của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 11/8/2025, tại nhà nghỉ S thuộc thôn Y, xã Y, tỉnh Ninh Bình, Đặng Văn T có hành vi cất giữ trái phép trong người 0,5457 gam ma túy, loại Methamphetamine

để sử dụng cho bản thân thì bị lực lượng Công an xã Y, tỉnh Ninh Bình phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng đối với T.

Theo Điều 249. Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy tùy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

....

c) Heroine, C, M, A1, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Như vậy về hành vi và khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý Nhà nước về chất ma túy và gây dư luận xấu trên địa bàn, ngoài ra ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, theo điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhân thân tốt, trước khi thực hiện hành vi bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo là người phát triển bình thường, bản thân nhận thức được và biết rõ về sự tác hại của ma túy, bị cáo là người nghiện ma túy chưa từ bỏ được, để có ma túy sử dụng nên chủ động đi tìm để mua, cất giấu ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân. Do vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm về ma túy.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm tội không mang tính chất vụ lợi và là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra bị cáo khai nhận nguồn gốc số ma túy bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực bờ đê sông Đ thuộc thôn Y, xã Y, tỉnh Ninh Bình, bị cáo T không rõ lai lịch của người này do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N không đủ căn cứ để xử lý.

[6] Bị cáo Đặng Văn T khi bị bắt quả tang, qua kiểm tra bị cáo không dương tính với các chất ma túy do đó bị cáo T không có dấu hiệu phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Điều 256a Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với 01 phong bì "Mẫu vật hoàn trả sau giám định". Đặc điểm có ghi số: 471/KL-KTHS cùng thông tin về vụ việc và vật chứng. Trên giáp lai của Phong bì có chữ ký của đại diện bên giao Nguyễn Thị H1 và bên nhận Phạm Long A và 03 mẫu dấu hình tròn của Phòng K Công an tỉnh N; 01 phong bì màu trắng. Đặc điểm được ký hiệu B, phần mép được dán kín, có chữ ký của Phạm Long A, Nguyễn Xuân T2, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc D, Đoàn Trung D1 và 03 (ba) dấu tròn màu đỏ của Công an xã Y, tỉnh Ninh Bình, là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 2 Điều 291; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, ngày 11 tháng 8 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì "Mẫu vật hoàn trả sau giám định". Đặc điểm có ghi số: 471/KL-KTHS cùng thông tin về vụ việc và vật

chứng. Trên giáp lai của Phong bì có chữ ký của đại diện bên giao Nguyễn Thị H1 và bên nhận Phạm Long A và 03 mẫu dấu hình tròn của Phòng K Công an tỉnh N; 01 phong bì màu trắng. Đặc điểm được ký hiệu B, phần mép được dán kín, có chữ ký của Phạm Long A, Nguyễn Xuân T2, Đặng Văn T, Nguyễn Ngọc D, Đoàn Trung D1 và 03 (ba) dấu tròn màu đỏ của Công an xã Y, tỉnh Ninh Bình, là vật chứng của vụ án.

Số vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2026 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh N và Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS. CA tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình;
- Bị cáo; Người đại diện; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung.